

Từ chùa cổ làng Hà Khê đến Sắc tứ Long Quang tự và chùa Vĩnh Hòa

ISSN: 2734-9195

15:05 08/09/2025

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, cổ tự Vĩnh Hòa ngày nay mà chúng ta nhìn thấy là một ngôi chùa được xây dựng lại vào những năm 60 của thế kỷ XX trên nền cũ của chùa, nhưng tấm bình phong dựng trước chùa và một số pháp tượng, pháp khí xưa còn tồn tại đã phản ánh chùa Vĩnh Hòa có niên đại tạo lập sớm trên vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế.

Trích: **Trung tâm văn hoá Phật giáo Liễu Quán - Huế**
Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Chùa Vĩnh Hòa hiện tọa lạc tại số 112 Nguyễn Phúc Nguyên, phường Hương Long, quận Phú Xuân, thành phố Huế, là một trong những ngôi cổ tự có mặt sớm trên đất Thuận Hóa, gắn liền với các đợt di dân lớn của người Việt từ phía Bắc vào đây lập nghiệp, khai ấp lập làng. Qua các nguồn tư liệu hiện tồn chúng ta biết, ngôi chùa này nguyên ủy có tên là Hà Khê cổ tự thuộc làng Hà Khê, về sau được các chúa Nguyễn ban biển ngạch "*Sắc tứ Long Quang tự*" và xếp vào hạng quan tự (chùa công), rồi đến triều vua Khải Định tiếp tục đổi tên thành chùa Vĩnh Hòa. Ngày nay, chùa Vĩnh Hòa mang đậm dấu ấn lịch sử, văn hóa về quá trình hưng thịnh và suy tàn của vương triều nhà Nguyễn.

1. Lược sử hình thành và quá trình trùng tu, tôn tạo

Hà Khê là một trong những ngôi làng cổ nhất của vùng đất Thuận Hóa xưa. Quá trình tụ cư lập nghiệp của cư dân nơi đây gắn liền với quá trình di dân mở cõi về phương Nam của lưu dân Việt.

Trong sách Ô Châu cận lục do Dương Văn An hiệu đính năm 1553 đã thấy ghi tên làng Hà Khê nằm trong danh sách các làng xã buổi đầu của hai châu Ô, Rí (sau năm 1306 chuyển thành Thuận châu và Hóa châu). Thời kỳ này, làng Hà Khê sở hữu một vị trí vô cùng đặc địa và có diện tích đất đai rộng lớn; địa giới cư trú phía Nam tiếp giáp bờ sông Hương, phía Bắc giáp làng An Ninh, phía Tây vượt quá chùa Thiên Mụ giáp làng Long Hồ, phía Đông giáp làng Thụy Lôi (về sau đổi tên thành làng Phú Xuân).

Trong diễn trình lịch sử di dân lập nghiệp của người Việt, cùng với quá trình khẩn hoang tự cư lập làng, hệ thống các công trình kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo như đình, chùa, am, miếu,... cũng lần lượt hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh của người dân. Có lẽ, chùa Hà Khê cũng được ra đời trong bối cảnh đó.

Trong tác phẩm Hoàng Việt nhất thống dư địa chí của Thượng thư Lê Quang Định có ghi chép về danh xưng chùa Hà Khê như sau: *"Đường ngang mới đắp bên phải Kinh thành, thuộc huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong. 497 tầm, phía Nam dọc theo sông, phía Bắc có quán xá, đến đền Dục Đức thuộc địa phận xã Kim Long. 627 tầm, phía Nam dọc theo sông, phía Bắc là dinh thự quan lại, đến chùa Long Quang thuộc địa phận xã Xuân Hòa, tên cũ chùa này là Hà Khê"*(1).



Tam quan chùa vĩnh Hoà hiện nay. Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Ngày nay, dấu tích về ngôi cổ tự Hà Khê không còn gì khác ngoài hai long vị hiện đang thiết trí thờ phụng tại chùa Quảng Phước, tức chùa làng Phước Yên (thuộc xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền).

- Nội dung long vị thứ nhất đề: *"Khai sơn Hà Khê cổ tự, tiền triều Nội viện Chiêm lễ, húy Như Huệ Trí Thiện đại sư giác linh"* -開山河溪古寺前朝內院瞻禮諱如慧智善大師覺靈", với pháp danh "Như Huệ" chúng ta biết, Đại sư Trí Thiện thuộc đời thứ 34 dòng Lâm Tế Trí Bản Đột Không. Không chỉ là người có công khai sơn chùa cổ Hà Khê, Đại sư Như Huệ Trí Thiện còn được các đời chúa Nguyễn rất tôn sùng, trọng vọng do thế ngài từng được chúa Nguyễn mời vào

làm việc trong Nội viện (Giác vương Nội viện) của phủ chúa với chức Chiêm lễ - tức thay mặt chúa Nguyễn dâng sớ trong các nghi thức tế lễ. Tiếc là từ sau khi Đại sư Trí Thiện viên tịch, ngôi chùa Hà Khê đã có sự kế thế trù trì ra sao và truyền thừa như thế nào thì không có tư liệu nào miêu tả một cách cụ thể.

- Nội dung long vị thứ hai ghi: "*Phụng vị Hội chủ Hà Khê tự, thuận tịch Tỳ-kheo Ni Trần Thị Tý, pháp danh Đại Ninh, tự Tâm An chính hồn thần vị-* 奉未會主河溪古寺順寂比丘尼陳氏子法名大寧 字心安正魂神位", với pháp danh Đại Ninh, sống trong giai đoạn 1684- 1765, rõ ràng Tỳ-kheo Ni Tâm An, Hội chủ chùa làng Hà Khê vốn thuộc đời 37 tông Lâm Tế, và là môn nhân đời thứ 3 của thiền phái Liễu Quán.



Đại sư Như Huệ Trí Thiện, tổ khai sơn Hà Khê cổ tự
(Bài vị hiện được phụng thờ tại chùa Quảng Phước, làng Phước Yên,
huyện Quảng Điền)

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569



Tỳ-kheo Ni Đại Ninh Tâm An, Hội chủ chùa cổ Hà Khê vào nửa đầu thế kỷ XVIII

(Bài vị hiện được phụng thờ tại chùa Quảng Phước, làng Phước Yên, huyện Quảng Điền)

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Qua nghiên cứu khảo sát thực tế và nguồn tư liệu gia phả dòng họ tại làng Phước Yên chúng tôi được biết, Tỳ-kheo Ni Trần Thị Tý (1684-1765) thuộc đời thứ 5 họ Trần Phụ làng Phước Yên, lăng mộ bà được chôn cất ngay phía trước chùa Phước Yên hiện nay. Trở lại lịch sử làng Hà Khê, sau khi chọn vùng đất Phước Yên (Quảng Điền) làm thủ phủ vào năm 1626, chúa Nguyễn Phúc Nguyên có lẽ đã bắt đầu dò tìm và thấy được Hà Khê là đất cát tường về mặt phong thủy, với địa thế rộng rãi, thoáng đãng, bèn sai binh lính xây cất dinh thự, doanh trại quân đội mới.

Vì thế, sau khi nối ngôi chúa khoảng hai tháng, chúa Nguyễn Phúc Lan liền dời phủ chính về đây, gọi là phủ Kim Long. Và nơi đây được quy hoạch xây dựng trở thành một "*đô thị lớn*" nằm bên dòng Hương giang thơ mộng. Hệ thống cung thất, công sở, thành quách,... thuộc phủ Kim Long được dựng cất lên chiếm trọn vùng trung tâm lãnh địa, kéo theo làng Hà Khê mất một phần đất đai lớn, ngày càng bị thu hẹp diện tích. Với việc nhìn ra chốn linh địa, chúa Nguyễn đã cho trùng tu, mở rộng quy mô kiến trúc chùa Hà Khê và ban biển ngạch sắc tứ, đổi tên thành "*Sắc tứ Long Quang tự*".

Cùng với chùa Thiên Mụ, chùa Long Quang cũng là nơi tổ chức các quốc lễ, nghi lễ Phật giáo quan trọng kể từ đầu thế kỷ thứ XVII. Sau khi chúa Nguyễn Phúc Thái dời thủ phủ từ Kim Long về làng Thụy Lôi, đặt tên là Phú Xuân (1687), làng Hà Khê vẫn tồn tại cho đến khoảng năm 1755 thì chia làm hai làng Xuân Hòa (phía Tây) và Kim Long (phía Đông); lại có dân ngoại tịch nhập cư lập thêm ấp Vạn Xuân, và mỗi làng đều xây dựng thiết chế đình chùa riêng biệt. Từ đó, chùa Long Quang thuộc địa phận làng Xuân Hòa. Vào năm 1770, chùa Long Quang tiếp tục được chúa Nguyễn Phúc Thuần cho sửa chữa, trùng tu.

Cũng như số phận của bao ngôi danh lam cổ tự có liên quan đến hoàng tộc nhà Nguyễn khác, khi bình lửa Tây Sơn nổi lên, chùa Long Quang tất nhiên không tránh khỏi cảnh đổ nát hoang tàn, tăng chúng phiêu bạt, ruộng đất chùa vì thế cũng bị bỏ hoang không có người chăm sóc, canh tác trong suốt thời gian dài. Có lẽ vì vậy mà hai long vị liên quan đến cổ tự Hà Khê như vừa đề cập ở trên được cung di về thờ phụng tại chùa làng Phước Yên. Sau giành lại được Kinh đô Phú Xuân và toàn cõi giang sơn, Nguyễn Ánh chính thức lên ngôi vua năm 1802, đặt niên hiệu là Gia Long, đóng đô ở Huế và mở ra một triều đại quân chủ mới - triều Nguyễn, tồn tại 143 năm (1802-1945).

Một năm sau ngày lên ngôi, năm 1803 vua Gia Long liền cho trùng tu chùa Long Quang sau một thời gian dài bị hoang phế do binh lửa Tây Sơn và suy cử Hòa thượng Tế Bốn Viên Thường (1769- 1848) làm trú trì chùa để quản lý, điều hành tăng chúng. Sách Đại Nam nhất thống chí ghi chép sự kiện này như sau: "*Chùa Long Quang ở xã Xuân Hòa, phía Tây ngoài Kinh thành. Căn án: Chùa này không biết làm ra từ đời nào. Bản triều Duệ Tôn Hoàng đế năm thứ 6 [1770] trùng tu, cửa chùa tầng trên có biển ngạch đề 4 chữ lớn: Tuệ chiếu Nam thiên 惡炤南天, tầng dưới có biển ngạch đề: Long Quang Tự 龍光寺, nhưng trải qua cơn biến loạn, chùa hư mà biển ngạch vẫn còn; năm Gia Long thứ 2 trùng tu chùa lại và đổi chữ Long 龍 (nghĩa là rồng) làm lại chữ Long 隆 (nghĩa là thịnh)"(2).*

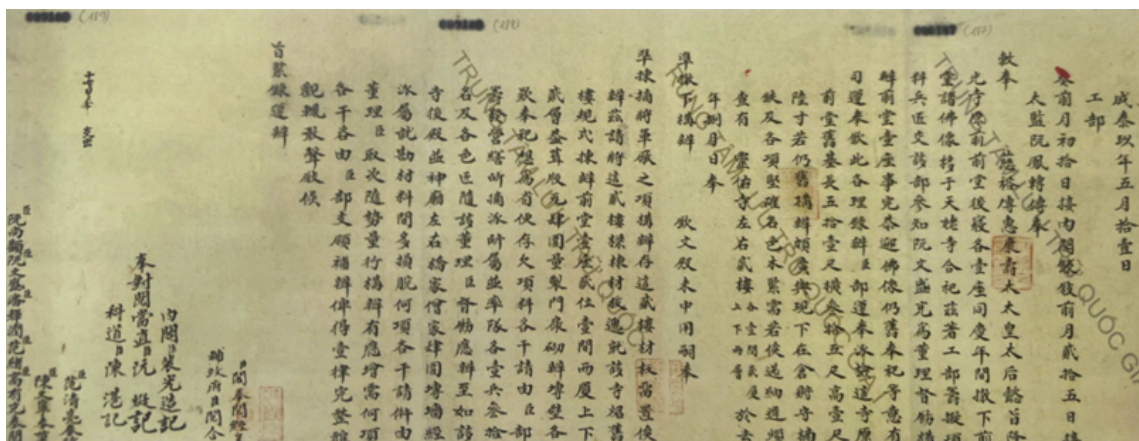
Và kể từ thời vua Gia Long trở đi, vào tiết xuân thu nhị kỳ hàng năm, triều đình thường tổ chức các lễ nghi cung đình quan trọng tại đây như lễ cầu Quốc thái

dân an (được tổ chức vào mùa xuân) và trai đàn Thủy lục cầu siêu độ (tổ chức vào mùa thu). Đến năm Gia Long thứ 14 [1815], chùa Long Quang được bà Long Thành Thái trưởng công chúa (3) cung tiến 6 mẫu ruộng tại địa phận hai làng An Cựu, Thần Phù, và miễn tô thuế cho nhà chùa để cày cấy lấy hoa lợi phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của sư tăng và các hoạt động Phật sự của chùa. (4).

Năm 1822, chùa Long Quang được vua Minh Mạng cho sửa chữa lại và đưa vào hạng quan tự trực thuộc triều đình.(5) Lúc bấy giờ, chùa có quy mô kiến trúc gồm 1 tòa tiền đường, 1 tòa hậu điện, miếu thần, 2 dãy nhà cầu 2 bên, nhà tăng, nhà bếp, cổng tam quan và tường thành bao bọc xung quanh.

Qua triều vua Thiệu Trị, chùa Long Quang lại bị xuống cấp và được triều đình cho trùng tu, tôn tạo. Bản tấu của Bộ Công vào ngày 8 tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 7 [1847] có nội dung đề cập việc này như sau:

"Tháng chạp năm ngoái tiếp cung lục của Bộ Lễ tâu trong đó có một khoản nói các tòa sở chùa Long Quang cây gỗ, gạch ngói và tường gạch có nhiều chỗ hư mục đổ nát, xin cho thần bộ khám rõ xem nơi nào cần sửa chữa, nơi nào cần làm lại, đợi sang tiết tạnh ráo năm nay sẽ phái lính thợ lĩnh vật liệu đến làm. Khâm phụng chuẩn cho thi hành. Nay thần bộ phái người đến chùa này khám lại thấy trong chính đường cột và rầm gỗ mỗi thứ 2 cây, 6 miếng ván lót, 3 đoạn ván bề; nhà sau có 3 đoạn ván bề; hành lang có 3 miếng ván bằng tọa; nhà bếp có 2 cây cột nhỏ, 5 cây rầm gỗ; cửa tam quan có 2 cây rầm gỗ, 4 cánh cửa, 2 mái rui đều hư mục. Tường gạch, vách gạch có chỗ lở lói đổ nát. Mái ngói các tòa sở này cũng có chỗ bị bay mất thấm dột cần phải tu bổ, xin cho thần bộ tư phát vật liệu và lượng cấp công thợ rồi cho phủ Thừa Thiên chiếu lãnh vật hạng liệu mượn 30 dân phu sở tại chiếu lệ cấp phát tiền gạo để chi dụng, phối hợp với 5 dân phu bảo vệ ở đó, xét các khoản sửa chữa cho xong trong hạn một tháng. Vật liệu chi dụng bao nhiêu cứ thật kê khai lập sổ thanh toán. Vậy kính tâu tuân hành."(6)



Bản tấu của Bộ Công về việc trùng tu chùa Sắc tứ Long Quang năm
Thành Thái thứ 9 (1897) - Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I
Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Sau khi Hòa thượng Tế Bốn Viên Thường viên tịch vào năm 1848, sư Nguyễn Văn Quý được cử làm trú trì chùa Long Quang. Do liên quan đến cuộc nổi dậy Chày Vôi tại Kinh đô Huế vào năm 1866 nhằm mục đích lật đổ vua Tự Đức để lập Đình Đạo (tức Nguyễn Phúc Ưng Đạo, con trai trưởng của Nguyễn Phúc Hồng Bảo) lên ngôi, sư Nguyễn Văn Quý bị triều đình hành quyết. Không như trường hợp chùa Pháp Vân (tức chùa Khoai) bị phá hủy hoàn toàn từ sau kế hoạch "đảo chính", cổ tự Long Quang vẫn bình an vô sự, vẫn được triều đình quan tâm bổ nhiệm sư Trần Đức Triêm làm trú trì chùa Long Quang (7) để tránh tình trạng khuyết trú trì và trông nom công việc Phật sự từ năm 1867.

Đến năm Tự Đức thứ 22 [1869], nhân dịp Thánh thọ lục tuần đại khánh tiết (mừng thọ 60 tuổi) của Hoàng Thái hậu Từ Dụ, triều đình vẫn chi cấp tiền bạc cho chùa Long Quang để mở trai đàn chúc thánh thọ và cầu nguyện cho quốc thái dân an (8) Vào năm 1879, sư Nguyễn Đức Nhuận đương kim trú trì chùa Long Quang đã thỉnh cầu lên triều đình xem xét ban cấp khí mãnh như bát, đĩa, chén, mâm,... để thuận tiện trong việc tổ chức các lễ nghi Phật giáo tại ngôi quan tự này.

Bản tấu của Bộ Lễ vào ngày 6 tháng 12 năm Tự Đức thứ 32 [1879] có nội dung: *"Nay căn cứ trú trì 2 chùa Thánh Duyên và Long Quang là Phan Thụy Uyển và Nguyễn Đức Nhuận bẩm thưa hai chùa này từ trước nay chưa được ban cấp khí mãnh. Hàng năm gặp tiết lễ thì mượn tạm các nhà giàu hàng xóm. Có khi gặp lúc các nhà ấy có việc thì mượn không đủ. Bẩm xin chiếu y như các chùa quan cấp phát các hạng khí mãnh nhận giữ để khi có việc đủ dùng và được tinh khiết [...]. Sau đây xin liệt kê các thứ và số lượng xét cấp. Vậy kính tâu đợi chỉ thi hành. Kê khai: Xét cấp khí mãnh 2 chùa Thánh Duyên và Long Quang: nồi đồng 3,5 tuổi mỗi thứ 1 cái (cho mỗi chùa dưới cũng vậy); xanh đồng 3,5 mỗi thứ 1 cái; chảo gang hạng trung 1 cái; chén thường dùng 200 cái; chén bầu bụng 100 cái (châu mặt 100, cải là 50; phê: Giác Hoàng không có 2 thứ này, phải cấp như nhau); ché đất 2 cái."*(9)

Dưới triều vua Đồng Khánh, chùa Long Quang rơi vào cảnh hư hỏng, xuống cấp, triều đình cho tháo dỡ tòa tiền đường, các tượng Phật và nhiều đồ thờ tự đều được chuyển tạm sang chùa Thiên Mụ để phụng thờ trang nghiêm. Đến năm 1897, Hoàng Thái hậu Từ Dụ truyền chỉ cho xây dựng lại tòa tiền đường trên nền móng chùa cũ. Công việc xây cất hoàn thành thì triều đình cho phép rước các pháp tượng, pháp khí về thờ phụng như xưa. Bản tấu vào ngày 11 tháng 5

năm Thành Thái 9 [1897] của Bộ Công cho biết rõ sự việc này như sau:

"Chùa Long Quang nguyên trước đây có 1 tòa tiền đường, 1 tòa hậu tẩm. Khoảng năm Đồng Khánh đã tháo dỡ tòa tiền đường, đồng thời di chuyển các tượng Phật đến chùa Thiên Mụ phụng thờ chung. Nay truyền cho Bộ Công dự trù vật liệu, lính thợ, giao cho Tham tri Bộ ấy là Nguyễn Văn Thịnh sung làm Đồng Lý đốc công sức cho dựng lại 1 tòa tiền đường. Việc xong sẽ kính rước các pho tượng Phật về phụng thờ như cũ. Bộ ấy đã sai thuộc viên kiểm tra thấy nguyên nền cũ tiền đường chùa này dài 51 thước, nếu dựng lại như cũ e là hơi rộng. Xét thấy tháng 8 năm ngoái có tháo dỡ 2 lầu tả hữu chùa Linh Hựu để dựng điện Khâm Văn nhưng đến nay vẫn chưa sử dụng. Nay xin đem rường cột, ván gỗ của 2 lầu này mang về dựng ở chùa Long Quang, chiếu theo khuôn mẫu lầu cũ làm lại 1 tòa tiền đường gồm 2 vi 1 gian 2 chái, tường cũng thuận tiện. Giao cho Sở Doanh Thiện trích lấy 1 thuộc viên, 1 Suất đội, 30 lính theo viên Đồng Lý đó làm việc"(10)



Bình phong Long Mã, dấu tích duy nhất còn lại của chùa Sắc tứ Long Quang.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Kể từ sau sự kiện Thất thủ Kinh đô Huế (07/5/1885), Chính phủ bảo hộ Pháp đã dẫn can thiệp cả vào việc quản lý ngân sách tài chính của Nam triều. Năm 1894, triều đình vua Thành Thái phải giao cho Khâm sứ Pháp Boulloche "*giúp lo việc hộ chính của bản quốc. Phàm dự toán thu chi mỗi tháng Bộ Hộ đệ lên phủ Phụ chính duyệt qua rồi đệ lên quý đại thần chấp chiếu để tiện trừ tính*".(11)

Đến năm 1900, Toàn quyền Pháp ra Nghị định đặt Hội đồng Bảo hộ bên cạnh tòa Khâm sứ để *"bàn bạc định ra ngân sách thu chi trong hạt Trung Kỳ, nhưng do Khâm sứ đại thần tính toán suy nghĩ, ngân sách thu ấy đến phiên họp của Hội đồng Đông Dương thì Toàn quyền đại thần quyết định, sẽ có chỉ dụ thi hành."*(12)

Vì thế, triều đình Huế đã phải tiết giảm tăng chúng, dân phu và thậm chí là bỏ bớt rất nhiều đặc ân dành cho các chùa công để giảm chi ngân sách. Việc chu cấp lương bổng để bảo đảm đời sống tu hành cho các tăng sĩ không còn đầy đủ như trước đây. Sách Đại Nam thực lục chép vào năm Duy Tân thứ 2 [1908], triều đình phải *"chước lượng giảm bớt sư ở các chùa công (các chùa công vốn đặt ở kinh gồm 7 chùa: Thiên Mục, Long Quang, Từ Ân, Diệu Đế, Linh Quang, Thánh Duyên, Ngọc Sơn; có Tăng cang 3 người, Trụ trì 7 người, tăng nhân 72 người, cộng 82 người, hàng tháng cấp lương cho Tăng cang 1 đồng 62 xu, Trụ trì 1 đồng 53 xu, tăng nhân 1 đồng 26 xu. Đến lúc ấy ngân sách giảm bớt, Bộ Lê bèn bàn trích một khoản truy cấp tiên cho sư giảm xuống, đều truy cấp lương một tháng, một khoản chước lượng giảm sư trong chùa, lưu lại 3 Tăng cang, trụ trì 6, tăng chúng 33 người, giảm về 40 người. Một khoản: bãi chùa Ngọc Sơn cho nhập vào chùa Thiên Mục, chỗ nền cũ chùa Ngọc Sơn cho làm chùa tư, chuẩn cho thì hành)."*(13)



Chùa Vĩnh Hòa đầu thế kỷ XX. Nguồn: Ảnh tư liệu tại bốn tự.
Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Đến năm 1918 triều đình Huế chỉ còn giữ lại 3 chùa Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên thuộc hạng quan tự, còn chùa Long Quang, Linh Quang, Từ Ân, Linh Hựu Quán đưa ra khỏi hạng quan tự. Nội dung bản tấu vào ngày 19 tháng 9 năm Khải Định thứ 3 [1918] của hai bộ Lễ - Công cho biết rõ thông tin:

"Các chùa miếu cây gỗ trải nhiều năm bị mối mọt, mái ngói rơi đổ, tường vách xiêu vẹo, đồ thờ nhiều thứ gãy vỡ để trần thiết thờ phụng thật là khiếm nhã. Nếu mỗi tu bổ chỉnh đốn lại tất phải tốn một số tiền lớn, tưởng nên giảm bớt một lần cho hợp thời nghi [...]. Lại nữa, phụng chiếu các chùa quan tại kinh thành có 7 sở (Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên, Long Quang, Từ Ân, Linh Quang và Linh Hựu quán).

Trong đó Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên là 3 chùa đều thuộc danh lam thắng cảnh, xin lưu giữ phụng thờ để bảo tồn cổ tích. Còn lại 4 chùa quán là Long Quang, Từ Ân, Linh Quang, Linh Hựu nhiều phen bị gió mưa đột nát chưa tu bổ, không tiện trần thiết đồ thờ để phụng thờ Phật tượng. Nhưng Long Quang là chùa quan, vậy Phật tượng và đồ thờ xin đệ về thờ ở chùa Thiên Mụ, còn cột kèo cây gỗ sẽ do Bộ Công triệt hạ đem về cất để sau này khi có việc cần dùng. Còn các chùa quán như Từ Ân, Linh Quang, Linh Hựu vốn là chùa tư được nhập tịch vào chùa quan thì do bọn thần phái kiểm, giao về cho xã dân, hoặc chư tăng ai có nguyện nhận phụng thờ thì cho.

Nếu chùa nào không có ai nguyện nhận thì Phật tượng và đồ thờ xin phân chia ra để vào các chùa quan hiện còn (Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên) để trần thiết thờ phụng, còn cột kèo cây gỗ thì do Bộ Công triệt dỡ để khỏi tu bổ tốn kém. Các bá hộ và tăng chúng đều cho về quê quán làm ăn chờ thiêu thì điền bổ, dân phu thì giao về nguyên quán chịu thuế cho khỏi sót lọt. Sau khi chước giảm các khoản trên đây, số tiền dư ra bao nhiêu xin nhập thêm vào số tiền bất thường chi cho việc thờ tự để khi có tu sửa các tôn tượng cho được nhả quan [...]. Vậy kính tâu, như được phê cho sẽ do thần Cơ Mật viện tuân thượng thi hành [...]. Xin giảm các chùa sau đây: Chùa Từ Ân, chùa Long Quang, chùa Linh Quang, quán Linh Hựu."(14)

Từ đó, chùa Long Quang được giao lại cho làng Xuân Hòa quản lý và hương khói. Điều này làm cho ngôi chùa gần như đã đánh mất vai trò, vị thế quan trọng của nó trong đời sống Phật giáo xứ Huế. Lúc này, chùa chỉ đóng vai trò là một ngôi chùa của làng Xuân Hòa. Hầu hết các pháp tượng, pháp khí của ngôi cổ tự đều được triều đình cung thỉnh qua thờ phụng tại quốc tự Thiên Mụ, trong đó có tượng Phật Di Lặc hiện đang thiết trí tại điện Đại Hùng thuộc chùa Thiên Mụ. Vị Đại sư được làng Xuân Hòa mời làm trú trì chùa Long Quang trong giai đoạn này là ngài Quảng Khai. (15) Đại sư vốn sinh trưởng trong một gia đình nề

nếp, thành tín Phật giáo ở làng Xuân Hòa.



Bức hoành phi "Vĩnh Hoà tự" tạo lập năm Thành Thái Giáp Thìn 1904, thếp vàng năm Khải Định Ất Sửu 1925, hiện treo tại Chính điện chùa Vĩnh Hoà.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Năm Khải Định thứ 10 [1925], Hồng Lô tự khanh Nguyễn Hữu Đồng (16) đã đứng ra vận động nhân dân trong vùng đóng góp tịnh tài để trùng tu chùa Long Quang và xin triều đình đổi tên thành "Sắc tứ Vĩnh Hòa tự". Đến năm Bảo Đại thứ 16 [1941], Hồng lô Tự Khanh Nguyễn Hữu Đồng có đơn trình làng Xuân Hòa xin cúng đất để canh tác thu hoa lợi chi dùng cho việc thờ cúng ngài Quan Thánh tại chùa Vĩnh Hòa.

Nội dung đơn thư viết: *"Do gần đây nhiệt khí viêm thịnh, sinh nhiều tật bệnh, tôi và thư sinh trong làng cầu nguyện và tụng kinh Minh Thánh có nhiều linh ứng, truy niệm ơn thánh thấm khắp, mỗi năm ngày 24 tháng sáu đều đến chùa Vĩnh Hòa ở bốn làng cử hành lễ thánh đản, báo đáp ơn lớn. Nhân đó tất cả quan viên trú ở bốn làng, phụ cận và viên chức thư sinh, thiện tín trong làng đều phát tâm hành hương phụng cúng. Tôi đã dâng hương, chọn mua lễ phẩm dâng cúng nhưng một số bạc còn thừa. Tôi trộm nghĩ lưu giữ lại số tiền này không tiện, bèn chọn mua một khoảnh đất trồng tranh 2 sào 1 tấc có số hiệu A117 tọa lạc tại địa phận quý làng, đã được trước bạ phân minh, lệnh đem sổ đất đó phó ủy cho quý làng hàng năm thu hoa lợi, mỗi khi đến lễ thánh đản lo liệu phụng cúng tiện cho lâu dài, các chức dịch trong làng khỏi phụng cúng, và quan viên khỏi công đức. Vì thế viết trình với quan viên làng Xuân Hòa và quý hương chức lượng nghĩ quản nhận sổ đất này và trích lục văn khế giữ gìn vĩnh viễn, thì thật là*

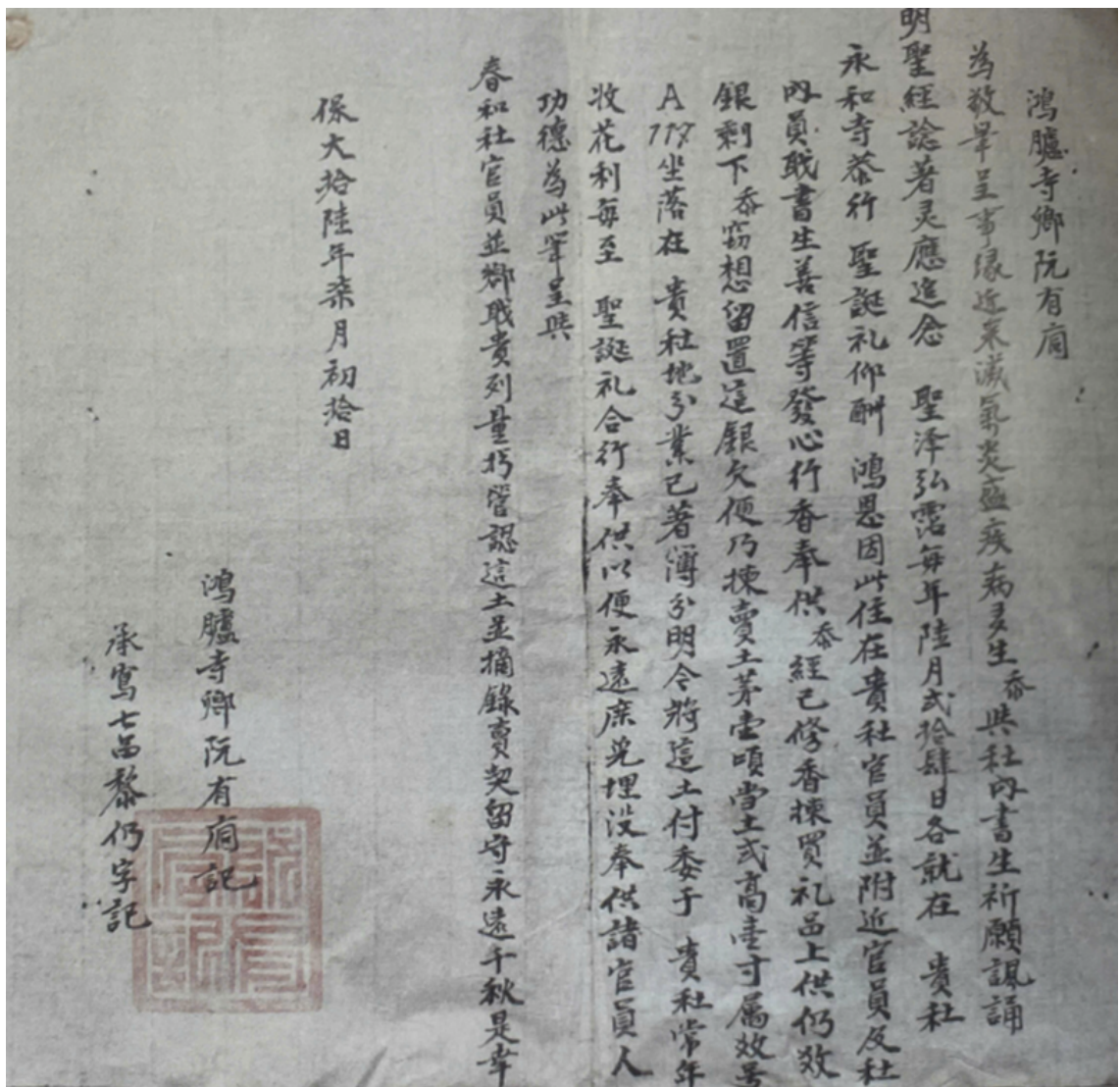
may."(17)

Sau khi ngài Quảng Khai viên tịch vào năm 1952, chùa Vĩnh Hòa được giao lại cho sư Tín Nguyễn(18) làm trú trì chùa. Đến năm 1965, chùa Vĩnh Hòa chuyển thành Niệm Phật đường. Khuôn hội và Gia đình Phật tử thời bấy giờ vẫn duy trì sinh hoạt thường xuyên ở trụ sở Niệm Phật đường Vĩnh Hòa. Trải qua chiến tranh, chùa đã bị hư hỏng nặng nề, ngài Tín Nguyễn và Khuôn giáo Giáo hội Phật giáo đứng ra vận động trùng tu chùa vào năm 1973 và làm lại phần tiền đường. Hiện nay, chùa Vĩnh Hòa do thầy Lê Văn Thế (19) trông coi hương khói.

2. Đặc điểm kiến trúc các cổ vật hiện tồn

Chùa Vĩnh Hòa hiện quay về hướng Nam, lấy Long Thọ cương làm tiền án, lấy sông Hương làm yếu tố minh đường, bên cạnh giáp chùa Từ Ân, gồm có các công trình chính như cổng, la thành, bình phong, sân chùa, chính điện, miếu Ngũ hành và nhà tăng. Cổng chùa Vĩnh Hòa có dạng hai trụ, đỉnh trụ có gắn hoa sen. Nối hai trụ cổng, ở mặt ngoài là bức hoành phi bằng xi-măng kiểu nề đắp nổi đề chữ "*Vĩnh Hòa tự kiến*", phía trên hoành phi trang trí "*lưỡng long châu nhật*", tứ quý (mai, lan, cúc, trúc). Trên hai trụ có khắc cặp câu đối bằng chữ Hán: 佛道永傳世世禪機宣妙理 聖心和樂時辰法侶演潮音. Phật đạo vĩnh truyền, thế thế thiên cơ tuyên diệu lý; Thánh tâm hòa lạc, thời thời pháp侶 diễn triều âm. (Đạo Phật truyền mãi, đời đời thiên cơ giảng giáo lý nhiệm màu; Tâm thánh hòa vui, mọi lúc pháp侶 diễn thuyết pháp âm như tiếng hải triều).

Nối liền cổng chùa, hai bên tả hữu là hệ thống la thành. Đi vào phía trong sân chùa sẽ thấy một bức bình phong cổ kính mang phong cách kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Đây là một trong những hạng mục kiến trúc còn gìn giữ được từ thời cổ tự Long Quang. Bình phong xây theo kiểu có mái, mặt trước đắp trang trí biểu tượng "*long mã*" bằng nghệ thuật khảm sành sứ. Theo quan niệm Đông phương, long mã là hóa thân của kỳ lân, là sự kết hợp đặc biệt giữa rồng, lân và ngựa. Đó là một linh vật có sừng và bờm của rồng, mình của con hươu xạ, đuôi bò, trán sừng, thân có vẩy của kỳ lân, chân và móng của ngựa; trên lưng có mang bức hà đồ, là sách trời ban cho vua để trị nước. Tấm bình phong không chỉ gắn với quan niệm ngăn chặn khí xấu xâm nhập vào chùa và mong cầu sự an vui, phồn thịnh, mà còn xem như một tác phẩm nghệ thuật nâng lên giá trị và vẻ đẹp của công trình kiến trúc chùa. Tiếp giáp với mặt sau bình phong có quy hoạch một hồ nước hình chữ nhật nuôi cá cảnh.



Tờ trình của Hồng lô tự khanh Nguyễn Hữu Đồng năm Bảo Đại thứ 16 - 1941, xin cúng đất hương hảo vào chùa Vĩnh Hoà.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Kiến trúc chính của chùa Vĩnh Hòa là một tòa nhà bao gồm phần tiền đường ở phía trước và chính điện ở phía sau. Tiền đường xây dựng theo mẫu thức chùa Khuôn hội, hai bên có lầu chuông, lầu trống. Nóc mái tiền đường lợp ngói liệt, trang trí biểu tượng "*lưỡng long châu mặt nả*". Tại phần mặt tiền tương ứng với ba căn có đắp nổi 3 ô hộc hình chữ nhật bằng xi-măng, trong đó gian giữa viết chữ "*Như thị trang nghiêm 如是莊嚴*"□ gian phía bên phải (ngoài nhìn vào) viết: "*Phật nhật tăng huy 佛日增輝*"; gian phía bên trái viết: "*Pháp luân thường chuyển 法輪常轉*".

Phía dưới hàng cột có khắc hai câu đối bằng chữ Hán.

- Cặp đối ở hai trụ giữa: 永振慈風感化群生登覺岸和同明月炤開萬類出迷津.

Vĩnh chấn từ phong, cảm hóa quần sanh đăng giác ngạn; Hòa đồng minh nguyệt, chiếu khai vạn loại xuất mê tân. (Mãi quạt gió lành, cảm hóa chúng sinh

lên bờ giác; Hòa cùng trăng sáng, chiếu rọi muôn loài thoát khỏi bến mê).

- Cặp đối ở hai trụ tả hữu: 大開方便門示眾以明德至善廣發弘誓願勸人惟見性清心.

Đại khai phương tiện môn, thị chúng dĩ minh đức chí thiện; Quảng phát hoằng thệ nguyện, khuyến nhân duy kiến tính thanh tâm. (Mở toang cửa phương tiện, dạy dân về minh đức chí thiện; Rộng phát tâm thệ nguyện, khuyến người kiến tính thanh tâm).

Phía sau tiền đường là chính điện làm theo kiểu nhà rường 1 gian 2 chái truyền thống, là nơi chiêm bái, tổ chức lễ nghi. Gian giữa chính điện thiết trí bộ tượng Tam Thế Phật ở tầng cao nhất; ở tầng thấp hơn thiết trí tượng Phật Thích Ca, tượng Phật Di Lặc, tượng Quán Thế Âm Bồ tát, tượng Quan Âm Thủ quyển, cùng các đồ thờ tự.

Gian tả chính điện (từ trong nhìn ra) thờ bộ tượng Quan Thánh Đế Quân - Quan Bình - Châu Xương. Gian hữu chính điện thờ tượng Quán Thế Âm Bồ tát. Trong đó đáng chú ý là một số pháp tượng như sau:

- Bộ tượng Tam Thế Phật tạo tác từ chất liệu gỗ, sơn màu, thếp vàng. Pho tượng chính giữa tạo hình trong tư thế ngồi kiết-già trên đài sen, phần đầu nổi rõ nhục kế giữa đỉnh, xung quanh là những lọn tóc xoắn ốc, dài tai to, dài. Khuôn diện tạo hình với mày cong, mắt nhắm hờ, sống mũi thẳng, môi hơi mím, cằm đầy đặn. Chính giữa ngực nổi rõ linh tự chữ "Vạn 卐", thân đắp ca-sa. Bàn tay trái đưa lên ngang vai kết ấn Cát tường, bàn tay phải để ngửa đặt trước bụng. Tượng cao tổng thể 89cm, trong đó, cao tượng 44cm, rộng vai 20cm, rộng gối 28cm. Tòa sen cao 20cm, rộng 40cm. Hai pho tượng phía tả, hữu có cùng cách thức tạo hình, kích thước, điểm khác là hai tay kết Thiền thủ ấn.

- Tượng Phật Di Lặc được tạo tác từ chất liệu gốm men trắng. Tượng cao tổng thể 29cm, cao tượng 18cm, rộng chân 18cm. Những đường nét tạo hình trên pho tượng mang thân hình mập mạp, hiền hòa, tự tại, miệng tươi cười.

- Tượng Quán Thế Âm Bồ tát tạo tác từ chất liệu gỗ, sơn màu. Tượng tạo hình trong tư thế ngồi kiết-già, đầu đội mao Quan Âm, khuôn diện bầu bĩnh, mày cong, mắt nhắm hờ, sống mũi thẳng, môi hơi chúm; thân đắp ca-sa, hai tay kết Thiền thủ ấn. Tượng cao tổng thể 46cm, cao tượng 24cm, cao đầu 7cm, rộng vai 9cm, rộng chân 13cm.

- Tượng Quan Âm Thủ quyển tạo tác từ chất liệu gỗ. Tượng tạo hình trong tư thế ngồi thủ quyển, đầu đội mao Quan Âm, khuôn diện bầu tròn, mày cong, mắt nhắm hờ, sống mũi thẳng, cánh môi dày, cằm tròn. Tay trái tựa gối kê, lòng bàn tay trái ngửa ra cầm quyển; bàn tay phải úp trên gối phải. Tượng cao 54cm, cao

đầu 15cm, rộng vai 19cm, rộng hai tay 32cm. Trên liên ba gian chính giữa treo một bức hoành phi sơn son thếp vàng với nội dung đề ba đại tự: "Vĩnh Hòa tự", với lạc khoản bên phải ghi: "Thành Thái Giáp Thìn niên tạo, Khải Định Ất Sửu niên kim tương - 年造 啓定乙丑年金相" 〇 Làm vào năm Giáp Thìn [1904] niên hiệu Thành Thái(20); Thếp vàng nhậ vào năm Ất Sửu [1925] niên hiệu Khải Định); lạc khoản bên trái ghi: "Xuân Hòa xã 春和社" (Xã Xuân Hòa).



Trái: Long vị ngài Hồng Trí Hưng Danh Quảng Khai, trú trì chùa Vĩnh Hoà thời Khải Định, hiện thờ tại Tổ đường chùa Vĩnh Hoà.

Phải: Long vị ngài Hồng Dực Vĩnh Thái Tín Nguyễn, trú trì chùa Vĩnh Hoà năm 1952, hiện thờ tại nhà thiền chùa Vĩnh Hoà.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Hai trụ phía trước chính điện có đắp nổi cặp đối chữ Hán bằng xi-măng: 永順世無憂仰賴鴻 和同人有樂仗憑妙 度扶持. Vĩnh thuận thế vô ưu, ngưỡng lại hồng ân tế độ; Hòa đồng nhân hữu lạc, trượng bằng diệu lực phò trì. (Mãi thuận với đời không lo buồn, cầu mong đức từ bi cứu giúp; Hòa cùng tất cả người an lạc, nương nhờ diệu lực phò trì).

Bên vách tường chính điện (nằm bên trái, từ ngoài nhìn vào) có gắn bia “*Vĩnh Hòa tự minh* 永和寺銘” làm bằng chất liệu đá Thanh, bao gồm: bệ bia, thân bia và trán bia. Bia có kích thước cao 65cm, chiều rộng 35cm, chạm khắc chữ Hán mặt trước thân bia, trán bia trang trí đồ án “*lưỡng long châu nhật*”, phía dưới là hình hoa sen cách điệu. Xung quanh diềm bia chạm khắc các kiểu thức hoa lá hóa rồng, hồi văn chữ Vạn nổi trên gờ thân bia, với dáng vẻ thanh thoát, mềm mại. Bia được làng Xuân Hòa khởi lập vào đầu mùa hạ năm Nhâm Ngọ [1942] niên hiệu Bảo Đại.

Nội dung bài văn bia ghi chép về địa thế, lịch sử cổ tự Vĩnh Hòa và tri ân công đức của Hồng Lô tự khanh Tống Châu Nguyễn Hữu Đồng đối với chùa. Phía sau chính điện là phần không gian hậu tổ. Gian giữa thờ bức tranh Đạt Ma Sư Tổ và một long vị ghi như sau: “*Tự Lâm Tế chính tông tứ thập tam thế, Vĩnh Hòa tự trú trì, húy thượng Hồng hạ Trí tự Hưng Danh hiệu Quảng Khai Lê công chi chơn linh* - 嗣臨濟正宗四十三 世永和寺住持諱上紅下智字興茗號 廣開黎公出真靈”.



Chính điện chùa Vĩnh Hoà hiện nay.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Ngoài ra không có một long vị nào liên quan đến các vị trú trì chùa thời kỳ mang tên Hà Khê, Long Quang. Hai bên gian tả hữu thiết trí bàn thờ các vị hương linh đạo hữu Phật tử của chùa Vĩnh Hòa. Bên hông chùa Vĩnh Hòa còn lưu giữ chiếc đại hồng chung được đúc vào năm Bảo Đại thứ 10 [1935], do Hồng Lô tự khanh Tống Châu Nguyễn Hữu Đồng tiến cúng.

Về kích thước, toàn bộ chuông chùa cao 91cm, thân chuông cao 66cm, đường kính miệng chuông 47cm. Chuông có hình trụ tròn, phần dưới hơi phình ra và miệng loe rộng, gờ miệng được giạt cấp tạo thêm nét mạnh mẽ, vùng chác cho cấu trúc tổng thể. Chuông được chia thành 3 phần: phần quai, phần thân và phần miệng. Phần quai có hình tượng 2 con rồng (còn được gọi là bồ-lao) đầu lưng vào nhau, chân bám chặt vào phần đỉnh chuông. Thân bồ-lao uốn cong lại, trên lưng là một búp hoa sen.

Các chi tiết trang trí trên bồ-lao như râu, tóc, sừng, vây, đao lửa đều được chạm khắc công phu, thể hiện sự tỉ mỉ và kỹ thuật tinh xảo của các nghệ nhân dưới triều Nguyễn. Thân chuông được trang trí nhiều đường gờ nổi (gân chuông) chạy ngang và các đường gờ nổi đứng. Bao quanh thân chuông ở vị trí các đường gấn ngang là 4 núm đánh hình tròn, đối xứng nhau.



Bia minh chùa Vĩnh Hoà, do dân làng Xuân Hoà lập năm Bảo Đại
Nhâm Ngọ 1942.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

Phía bên trái và phải của núm có trang trí sáu dải mây hình mũi mác, mỗi bên ba dải. Các núm này không chỉ là nơi để đánh chuông mà còn mang giá trị thẩm mỹ cao, tạo điểm nhấn cho toàn bộ thiết kế của thân chuông, đồng thời tượng trưng cho sự giao hòa giữa bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc trong vũ trụ quan của người Việt xưa.

Hàng phía dưới có tám quẻ bát quái. Hàng ngang phía dưới nửa trang trí họa tiết rồng cách điệu đều chạy quanh thân chuông. Miệng chuông dày 6cm, có trang trí kiểu thức tam sơn và thủy ba uốn lượn đều đặn theo nhịp bao quanh. Đặc biệt, trên thân chuông còn khắc bài minh bằng chữ Hán cho biết chùa Vĩnh Hòa trải qua 2 lần đúc chuông trước đây, đúc lần thứ nhất vào niên hiệu Đồng Khánh Đình Hợi [1887] do Tổng đốc Hưng Nguyễn Hữu Độ (21) công đức tiến cúng, đúc lần thứ hai vào niên hiệu Duy Tân, năm Tân Hợi [1911] do An Khánh Quận công phu nhân Nguyễn Ngọc Thị Can(22) công đức cúng dường.

Ở phần cuối của bài minh là dòng lạc khoản ghi rõ: "*Bảo Đại Ất Hợi niên 保大乙亥年*"□ tức là chuông được đúc vào năm Ất Hợi (1935) niên hiệu Bảo Đại). Đây là một chi tiết hết sức quan trọng giúp người đời sau xác định niên đại và bối cảnh lịch sử khi quả chuông này ra đời. Bên cạnh đó, chùa Vĩnh Hòa cũng từng là nơi san khắc, in ấn kinh luật để hoằng dương Phật pháp. Rất tiếc hiện chùa không còn lưu giữ được ván khắc kinh Phật nào.



Đại hồng chung chùa Vĩnh Hoà,
do Hồng Lô tự khanh Nguyễn Hữu Đồng chú đúc tiến cung năm Bảo
Đài thứ 10 - 1935.

Ảnh: Tạp chí Liễu Quán số 35/Tháng 5/2025/PL.2569

May mắn thay, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương (cách chùa Vĩnh Hòa một đoạn không xa) của TS. Thái Kim Lan đã sưu tầm, bảo quản một số ván khắc bằng song ngữ Hán - Việt các bộ kinh thuộc tàng bản chùa Vĩnh Hòa dưới thời Bảo Đài. Qua một thời gian dài, những hoa văn, chữ nổi trên ván khắc kinh Phật này vẫn còn khá sắc nét. Không chỉ có văn tự chữ Hán, người nghệ nhân xưa rất tài hoa khi chạm khắc lên những ván gỗ các đồ hình, họa tiết tinh xảo, mang nhiều giá trị độc đáo.

3. Một số nhận định

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, cổ tự Vĩnh Hòa ngày nay mà chúng ta nhìn thấy là một ngôi chùa được xây dựng lại vào những năm 60 của thế kỷ XX trên nền cũ của chùa, nhưng tấm bình phong dựng trước chùa và một số pháp tượng, pháp khí xưa còn tồn tại đã phản ánh chùa Vĩnh Hòa có niên đại tạo lập sớm trên vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế. Trong giai đoạn huy hoàng nhất của nó, từ thế kỷ thứ XVII đến đầu thế kỷ XIX, Vĩnh Hòa là một ngôi quan tự dưới thời các chúa Nguyễn lẫn vua Nguyễn.

Vì vậy, ngôi cổ tự này có một vị thế rất quan trọng trong đời sống Phật giáo của xứ Huế nói riêng và Đàng Trong nói chung. Dưới thời Tự Đức, mặc dù chùa Long Quang (Vĩnh Hòa) với vị sư trú trì là ngài Nguyễn Văn Quý có liên quan mật thiết đến vụ án "*Loạn chày vôi*" do Đoàn Hữu Trưng lãnh đạo năm 1866, nhưng có vẻ ngôi chùa này vẫn tránh được "*kiếp nạn*" bị triều đình triệt giải như bao ngôi chùa có liên quan khác, và thậm chí còn được vua Tự Đức tiếp tục bổ nhiệm tăng đạo trú trì, quan tâm trùng tu khi bị xuống cấp, hư hỏng.

Qua đó giúp chúng ta thấy rõ về một góc nhìn khác, đó là không phải ngôi chùa nào có dính líu đến cuộc khởi nghĩa Chày vôi cũng đều bị triều đình cho triệt giải hoàn toàn. Điều này càng tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế rất đặc biệt của cổ tự này dưới vương triều nhà Nguyễn. Từ việc khảo sát nguồn thư tịch và thực địa cho thấy, cổ tự Vĩnh Hòa được hình thành nhờ sự đóng góp công sức của bao thế hệ người dân làng Hà Khê - Xuân Hòa, đặc biệt là sự gia tâm hộ trì của các bậc vua chúa, phi tần, hoàng thân quốc thích, quan lại đại thần, Sa-môn qua các thế hệ như Hòa thượng Trí Thiện, Ty-kheo Ni Trân Thị Tý, Hòa thượng Tế Bồn Viên Thường, sư Nguyễn Văn Quý, sư Trần Đức Triêm, sư Nguyễn Đức Nhuận, An Khánh Quận công phu nhân Nguyễn Ngọc Thị Can, Long Thành Thái trưởng công chúa, Hồng Lô tự khanh Nguyễn Hữu Đông,... mà những công tích của họ vẫn còn lưu dấu rõ nét qua các nguồn sử liệu, pháp khí cho đến hôm nay.

Thiết nghĩ, đối với những bậc tiền bối có công đức to lớn, góp phần làm xương minh ngôi Tam bảo Vĩnh Hòa như vừa kể trên, hậu thế hôm nay, và kể cả bốn tự cũng như các họ tộc tại địa phương cần quan tâm hơn nữa trong việc tìm hiểu, hiển dương công hạnh của các ngài; nên lập long vị, bài vị phụng thờ các ngài tại bốn tự để hương khói phụng thờ. Việc làm này không chỉ tỏ lòng tri ân đối với các vị tiền nhân, khơi dậy niềm tự hào trong lòng hậu thế hôm nay và mai sau đối với những giá trị truyền thống, và hơn thế, còn góp phần khẳng định vị thế của cổ tự Vĩnh Hòa trong dòng chảy Phật giáo xứ Huế xưa và nay.

Có thể nói, di sản Hán Nôm như văn bia, văn chuông, đối liễn, mộc bản, kinh sách,... mà chùa Vĩnh Hòa hiện còn lưu giữ được là nguồn tư liệu quý giá, không chỉ có giá trị về mặt khảo cứu quá trình hình thành, phát triển của ngôi cổ tự này, mà còn góp phần phản ánh tình hình Phật giáo xứ Huế dưới thời nhà Nguyễn. Các tư liệu này cần phải được gia tâm giữ gìn và phát huy giá trị, để hậu thế Xuân Hòa hôm nay biết rõ hơn về nguồn gốc, lai lịch, vai trò của ngôi cổ tự tại quê hương trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Thuận Hóa, đặc biệt là về ngôi làng Xuân Hòa nổi tiếng danh hương văn vật này.

Chú thích:

(1) Lê Quang Định (2021), Hoàng Việt nhất thống dư địa chí, Phan Đăng dịch - chú giải, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 258.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1960), Đại Nam nhất thống chí, lập Kinh su, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Bộ Giáo dục Quốc gia xuất bản, Sài Gòn, tr. 89-90.

(3) Long Thành công chúa Ngọc Tú (1759-1823) là trưởng nữ của Hưng Tổ Hiếu Khương hoàng đế Nguyễn Phúc Luân và bà Hiếu Khang Hoàng hậu Nguyễn Thị Hoàn. Đức bà cũng là chị ruột của vua Gia Long.

(4) Lý Kim Hoa (2003), Châu bản triều Nguyễn - Tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm, từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 524.

(5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, tập 2, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 225.

(6) Lý Kim Hoa (2003), Châu bản triều Nguyễn - Tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm, từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945, Sdd, tr. 211.

(7) Lý Kim Hoa (2003), Châu bản triều Nguyễn - Tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm, từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945, Sad, tr. 296.

(8) Lý Kim Hoa (2003), Châu bản triều Nguyễn - Tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm, từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945, Sad, tr. 340.

(9) Lý Kim Hoa (2003), Châu bản triều Nguyễn - Tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm, từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945, Sad, tr. 529-530.

(10) Châu bản triều Nguyễn, triều Thành Thái, lập 27, tờ 187.

(11) Quốc Sử Quán triều Nuyễn (2012), Đại Nam thực lục chính biên - Độ lục kỳ) phụ biên, Cao Tự Thanh dịch, Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 220.

(12) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), Đại Nam thực lục chính biên - Độ lục kỳ phụ biên, Sád, tr. 378.

(13) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), Đại Nam thực lục chính biên - Độ lục kỳ phụ biên, Sád, tr. 556-557.

(14) Lý Kim Hoa (2003), Châu bản triều Nguyễn - Tu liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm, từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945, Sdd, tr. 930-931.

(15) Su Quảng Khai (1886-1952) thế danh là Lê Văn Danh, pháp danh Hồng Trí, pháp tự Hưng Danh, pháp hiệu Quảng Khai. Thân phụ là cụ Lê Văn Trạch (con trai ngài Lê Văn Thuật, từng làm Trụ sự chùa Quốc Ấn), thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Xấu.

(16) Nguyễn Hữu Đồng (1901-1972), hiệu Túng Chấu, là con trai trưởng của Vĩnh Lại bú Nguyễn Hữu Đình (hậu duệ Vĩnh Quốc công Nguyễn Hữu Độ) và bà Công Tôn Nữ Nhuận Đức (hậu chệ hoàng từ Trấn Tĩnh Quận công Miên Dán). Ông được triều đình phong hàm Hồng Lô tự khanh.

(17) Thu viện Tổng hợp Thừa Thiên Huế (2022), Văn thư - Đơn từ Hán Nôm các làng tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Trần Đại Vinh dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 437-438.

(18) Sư Tín Nguyễn (1920-2010) thế danh là Lê Văn Nghệ, pháp danh Hồng Nhụy, pháp tự Vĩnh Thái, pháp hiệu Tín Nguyễn. Thân phụ là cụ Lê Văn Danh, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Liên.

(19) Thầy Lê Văn Thế (sinh năm 1949) có pháp danh Nhật Ứng, thân phụ là cụ Lê Văn Nghệ, thân mẫu là cụ bà Mai Thị Quy.

(20) Căn cứ nội dung trong Châu bản triều Nguyễn và Đại Nam thực lục đều cho thấy, danh xưng chùa Long Quang tồn tại đến triều vua Khải Định mới được đổi tên thành Vĩnh Hòa. Vì vậy những thông tin được viết trên bức hoành phi được chế tác dưới thời vua Thành Thái thì cần phải tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng để có lời giải đáp một cách thấu đáo.

(21) Nguyễn Hữu Độ Vc tĩ Vẻ, hiệu Tổng Khê là một vị quan đại thần dưới thời vua Đồng Khánh. Tư dinh của Vĩnh Quốc công Nguyễn Hữu Độ nằm khá gần chùa Vĩnh Hòa.

(22) Nguyễn Ngọc Thị Can 阮玉氏杯 (1863-1932) có nguyên quán ở làng Bình Dân, tỉnh Hưng Yên. Bà là thứ thất của An Khánh Quận công Khâm Thạnh (thuộc phủ An Khánh Quận vương ở làng Xuân Hòa). Ngoài việc đúc chuông cúng dường chùa Vĩnh Hòa, bà còn đóng góp nhiều tiền bạc để trùng tu chùa Tập Thiện (gần tổ đình Quốc Ân) vào năm 1923.